

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM CỬU LONG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	12 - 41



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Cừu Long (sau đây gọi tắt là "Công ty" hoặc "Công ty mẹ") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty").

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Công ty Dược và Vật tư y tế Cừu Long, theo quyết định số 2314/QĐ-UB ngày 09 tháng 8 năm 2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1500202535 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 11 năm 2004 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp và thay đổi lần thứ 24 ngày 05 tháng 9 năm 2022 do thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DCL.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
- Điện thoại : 0270.382.2533
- Fax : 0270.382.2129

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ là sản xuất thuốc, hóa chất và dược liệu; Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm /tái bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Bùi Hồng Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Tường Thị Thu Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Phan Thị Hòa	Trưởng ban	Ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Phạm Thị Huệ	Thành viên	Ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Lê Thị Thương	Thành viên	Ngày 14 tháng 6 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Lương Trọng Hải	Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 9 năm 2022
Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 12 năm 2020
Ông Nghiêm Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 3 năm 2023
Bà Trần Khiêm	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 4 năm 2023
Bà Nguyễn Lâm Minh Thương	Kế toán trưởng	Ngày 01 tháng 01 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Sang - Chủ tịch Hội đồng quản trị (tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022) và Ông Lương Trọng Hải - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2022).

Ông Lương Trọng Hải đã ủy quyền cho Ông Nghiêm Xuân Trường - Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy ủy quyền số 22/HĐUQ.DCL ngày 17 tháng 4 năm 2023.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Nhóm Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Phó Tổng Giám đốc



Nghiêm Xuân Trường

Ngày 18 tháng 8 năm 2023

253
GTY
PHÂN
C PHA
LONG
TINH

15-00
HÀNH
GTY
EM HỮU
V VÀ TƯ
& C
IA NỘI
- TP. V

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trương Sơn St., Ward 2, Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam

Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam

Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam

Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn

Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn

Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn

Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



A & C

www.a-c.com.vn

Số: 2.0522/23/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long và các Công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 18 tháng 8 năm 2023, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long và các Công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.451.227.330.377	1.422.244.637.211
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12.958.247.320	52.851.714.658
1. Tiền	111		12.958.247.320	52.851.714.658
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		216.395.032.420	248.495.032.420
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	94.795.000.000	94.795.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	121.600.032.420	153.700.032.420
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		834.459.661.040	776.382.287.481
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	217.177.297.420	251.993.652.048
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	181.172.104.057	104.790.547.920
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	463.167.748.223	477.303.701.054
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(27.057.488.660)	(57.705.613.541)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	354.817.418.696	315.080.042.466
1. Hàng tồn kho	141		359.325.987.426	320.243.529.424
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.508.568.730)	(5.163.486.958)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		32.596.970.901	29.435.560.186
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3.063.924.769	1.708.716.212
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		29.205.856.863	27.406.747.819
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	327.189.269	320.096.155
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		687.553.668.549	683.078.250.292
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.501.500.000	854.500.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	3.501.500.000	854.500.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		456.983.470.975	464.221.264.140
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	413.293.518.500	422.618.292.933
<i>Nguyên giá</i>	222		881.159.406.470	875.022.166.872
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(467.865.887.970)	(452.403.873.939)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	20.366.893.604	20.619.306.398
<i>Nguyên giá</i>	225		22.876.854.258	20.968.786.167
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(2.509.960.654)	(349.479.769)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	23.323.058.871	20.983.664.809
<i>Nguyên giá</i>	228		24.816.407.579	22.373.057.579
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.493.348.708)	(1.389.392.770)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		218.373.033.876	206.221.867.728
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	218.373.033.876	206.221.867.728
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.695.663.698	11.780.618.424
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	5.541.635.666	5.848.614.934
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	3.154.028.032	5.932.003.490
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.138.780.998.926	2.105.322.887.503

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		717.625.028.864	713.665.523.351
I. Nợ ngắn hạn	310		526.111.129.951	554.067.518.856
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	53.480.353.555	36.751.259.995
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.946.861.266	2.768.486.946
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	7.151.730.517	14.061.349.039
4. Phải trả người lao động	314		12.642.441.441	19.278.768.561
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	13.160.361.045	27.177.368.411
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	77.456.048.593	96.453.185.045
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	353.021.740.481	353.993.645.306
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	5.251.593.053	3.583.455.553
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		191.513.898.913	159.598.004.495
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	191.513.898.913	159.598.004.495
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.421.155.970.062	1.391.657.364.152
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	1.421.155.970.062	1.391.657.364.152
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		730.410.300.000	730.410.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		730.410.300.000	730.410.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		220.358.863.743	220.358.863.743
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		452.141.576.371	422.843.538.261
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		419.843.538.261	422.843.538.261
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		32.298.038.110	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		20.166.850	20.166.850
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		18.225.063.098	18.024.495.298
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.138.780.998.926	2.105.322.887.503

Người lập biểu

Nguyễn Lâm Minh Thương

Kế toán trưởng

Nguyễn Lâm Minh Thương

Lập, ngày 18 tháng 8 năm 2023

Phó Tổng Giám đốc



Nghiêm Xuân Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	511.755.348.011	433.139.773.898
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	16.209.170.494	6.833.850.634
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		495.546.177.517	426.305.923.264
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	402.204.827.089	307.733.869.409
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		93.341.350.428	118.572.053.855
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	20.755.048.480	25.411.999.545
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	16.868.973.320	20.302.815.616
Trong đó: chi phí lãi vay	23		14.777.611.044	17.139.813.039
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	32.961.627.765	49.032.225.777
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	24.181.002.331	24.731.308.348
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.084.795.492	49.917.703.659
12. Thu nhập khác	31		847.269.286	525.326.749
13. Chi phí khác	32		61.026.876	739.642.388
14. Lợi nhuận khác	40		786.242.410	(214.315.639)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40.871.037.902	49.703.388.020
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	5.594.456.535	12.019.793.729
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		2.777.975.457	(1.828.319.950)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>32.498.605.910</u>	<u>39.511.914.241</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>32.298.038.110</u>	<u>38.643.804.902</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>200.567.800</u>	<u>868.109.339</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	<u>442</u>	<u>553</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	<u>442</u>	<u>553</u>

Người lập biểu

Nguyễn Lâm Minh Thương

Kế toán trưởng

Nguyễn Lâm Minh Thương

Lập, ngày 18 tháng 8 năm 2023

Phó Tổng Giám đốc



Nghiêm Xuân Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		40.871.037.902	49.703.388.020
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9-11	18.997.518.079	19.283.784.672
- Các khoản dự phòng	03		1.143.928.979	3.976.814.949
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4,5	324.871	(61.404.471)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.813.941.160)	(14.159.353.684)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	14.777.611.044	17.139.813.039
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		70.976.479.715	75.883.042.525
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		29.418.753.439	(294.214.504.882)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(41.776.550.073)	(18.191.057.337)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(15.327.806.879)	(188.045.620.746)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.048.229.289)	(500.238.567)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(14.717.310.699)	(17.195.158.548)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(12.572.313.177)	(5.680.970.781)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(1.331.862.500)	(253.510.452)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.621.160.537	(448.198.018.788)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(121.689.330.002)	(22.058.334.791)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		370.636.365	1.052.183.333
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(66.345.945.205)	(114.445.945.205)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		98.445.945.205	247.861.100.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.757.746.980	4.163.807.197
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(84.460.946.657)	116.572.810.534

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	355.205.150.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	444.760.171.318	726.106.712.782
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(409.407.751.785)	(671.686.560.668)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.18	(4.408.429.940)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		30.943.989.593	409.625.302.114
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(39.895.796.527)	78.000.093.860
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	52.851.714.658	41.255.262.412
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.329.189	10.332.957
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	12.958.247.320	119.265.689.229

Người lập biểu

Nguyễn Lâm Minh Thương

Kế toán trưởng

Nguyễn Lâm Minh Thương

Lập, ngày 18 tháng 8 năm 2023

Phó Tổng Giám đốc



Nghiêm Xuân Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (sau đây gọi tắt là “Công ty” hoặc “Công ty mẹ”) là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của sản xuất thuốc, hóa chất và dược liệu.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất thuốc, hóa chất và dược liệu.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty mẹ không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 5 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty liên doanh Sản xuất kinh doanh XNK Dược phẩm và Trang thiết bị y tế	Số 11, đường Lanexang, bản Hatsady, quận Chanthabory, Lào	Giới thiệu thuốc	51%	51%	51%	51%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn	Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Kinh doanh dược phẩm và dụng cụ y tế	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	Số 276 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dược phẩm, capsule các loại	99,98%	99,98%	99,98%	99,98%
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas	Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất kinh doanh dụng cụ, trang thiết bị y tế	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thuốc ung thư Benovas	Tầng 5, tòa nhà HACCI Complex tại lô 2.6, đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Sản xuất thuốc, hóa liệu và dược liệu	84%	84%	84%	84%

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của các công ty con

- Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế đã tạm dừng hoạt động từ năm 2013.
- Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn: Công ty chưa phát sinh doanh thu. Hoạt động chính trong năm là đầu tư tài chính bao gồm đầu tư cổ phiếu các công ty chưa niêm yết, góp vốn, hợp đồng hợp tác đầu tư.
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas: Hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước, hoạt động chính của Công ty là mua và phân phối sản phẩm cho Công ty mẹ.
- Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Benovas: Hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà xưởng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh
- Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas: Công ty chưa phát sinh doanh thu. Hoạt động chính trong năm đầu tư tài chính (đầu tư các cổ phiếu chưa niêm yết và hợp đồng hợp tác kinh doanh).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, có 930 nhân viên đang làm việc tại Nhóm Công ty (số đầu năm là 931 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các Công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và Công ty con, giữa các Công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của Công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Nhóm Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh của Công ty là chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Đối với cổ phiếu không niêm yết, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của Công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Nhóm Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp đích danh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi nắm giữ đến ngày đáo hạn nhằm mục đích hưởng lợi nhuận vào thời điểm đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỨU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, mức trích lập căn cứ cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Nhóm Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 40
Máy móc và thiết bị	02 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Nhóm Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Tài sản cố định thuê tài chính là máy móc thiết bị có thời gian khấu hao là 5 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Nhóm Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 7 -10 năm.

Bản quyền, bằng sáng chế

Nguyên giá của bản quyền tác giả, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền tác giả, bằng sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Nhóm Công ty đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Nhóm Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty và Công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	79.759.253	34.905.135
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.878.488.067	52.816.809.523
Cộng	12.958.247.320	52.851.714.658

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Chứng khoán kinh doanh

Là cổ phiếu của các Công ty không niêm yết, bao gồm:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam ⁽ⁱ⁾	32.500.000.000	-	32.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt ⁽ⁱⁱ⁾	17.025.000.000	-	17.025.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng ⁽ⁱⁱⁱ⁾	34.770.000.000	-	34.770.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại SJ ^(iv)	5.250.000.000	-	5.250.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư KVN Việt Nam ^(v)	5.250.000.000	-	5.250.000.000	-
Cộng	94.795.000.000	-	94.795.000.000	-

Số lượng cổ phiếu và tỷ lệ nắm giữ của Nhóm Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam ⁽ⁱ⁾	2.500.000	9,62%	2.500.000	9,62%
Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt ⁽ⁱⁱ⁾	1.135.000	7,57%	1.135.000	7,57%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng ⁽ⁱⁱⁱ⁾	2.318.000	11,34%	2.318.000	11,34%
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại SJ ^(iv)	500.000	10%	500.000	10%
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư KVN Việt Nam ^(v)	500.000	10%	500.000	10%

Đối với các chứng khoán chưa đăng ký giao dịch trên thị trường, Nhóm Công ty không đánh giá giá trị hợp lý và trích lập dự phòng do không có đủ thông tin.

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	121.600.032.420	139.700.032.420
Chứng chỉ tiền gửi ⁽ⁱⁱ⁾	-	14.000.000.000
Cộng	121.600.032.420	153.700.032.420

⁽ⁱ⁾ Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại, với lãi suất từ 5,9% đến 8,3%/năm.

Toàn bộ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn đang được cầm cố thế chấp đảm bảo cho nghĩa vụ vay ngân hàng (xem thuyết minh V.18a).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	4.359.781.050	7.337.349.075
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	4.359.781.050	7.337.349.075
Phải thu các khách hàng khác	212.817.516.370	244.656.302.973
Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Sơn	-	16.428.897.499
Công ty Cổ phần Dược phẩm Goldenlife	13.751.195.476	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sagophar	15.417.973.078	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	8.567.301.435	14.778.235.395
Bệnh viện Ung Bướu	92.463.000	6.424.095.000
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế và Dược phẩm Hoàn Cầu	-	4.696.299.400
Bệnh viện Truyền máu Huyết học	24.686.584.800	14.169.174.600
Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm	-	9.234.817.560
Các khách hàng khác	150.301.998.581	178.924.783.519
Cộng	217.177.297.420	251.993.652.048

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	-	19.660.806.813
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	-	19.660.806.813
Trả trước cho người bán khác	181.172.104.057	85.129.741.107
Growena Impex Company	1.717.144.398	9.992.687.271
Công ty cổ phần Confitech Cửu Long	7.250.000.000	9.250.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam ⁽ⁱ⁾	96.789.000.000	35.076.789.032
Công ty TNHH Akums Drugs And Pharmaceuticals	7.214.162.910	11.481.898.135
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Bạch Đằng Hải Phòng	15.000.000.000	-
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa ⁽ⁱⁱ⁾	23.633.659.250	177.276.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nam Giang	9.977.088.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Đại Dũng III	4.241.952.000	4.241.952.000
Các nhà cung cấp khác	15.349.097.499	14.909.138.669
Cộng	181.172.104.057	104.790.547.920

(i) Khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam theo hợp đồng mua bán tài sản liên quan đến dự án "đầu tư dây chuyền sản xuất Capsule giai đoạn 5". Tổng giá trị hợp đồng là 138.270.000.000 VND.

Ngày 03/7/2023 hệ thống dây chuyền đã được bàn giao về công ty để thực hiện triển khai lắp đặt.

(ii) Khoản trả trước cho Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa theo hợp đồng số 1904/2023/HĐT/C/DCL-BKG ký ngày 19/04/2023 và Hợp đồng số 2103/2023/DCL-BKG ngày 21/3/2023 để thực hiện thi công lắp đặt nhà máy capsule giai đoạn 5.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	26.158.887.123	-	9.040.710.137	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	-	-	8.853.710.137	-
Gốc hợp tác đầu tư	-	-	8.700.000.000	-
Lãi hợp tác đầu tư	-	-	153.710.137	-
Công ty Cổ phần Bất Động sản F.I.T	25.991.887.123	-	-	-
Gốc hợp tác đầu tư	25.400.000.000	-	-	-
Lãi hợp tác đầu tư	591.887.123	-	-	-
Ông Nguyễn Trọng Đức Phó TGĐ - Tạm ứng	100.000.000	-	100.000.000	-
Ông Lương Trọng Hải Giám đốc điều hành - Tạm ứng	30.000.000	-	50.000.000	-
Ông Nghiêm Xuân Trường Phó TGĐ - Tạm ứng	37.000.000	-	37.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	437.008.861.100 (5.067.557.725)		468.262.990.917 (5.067.557.725)	
Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt	101.765.357.534	-	117.006.919.520	-
Gốc hợp tác đầu tư	92.165.000.000	-	111.165.000.000	-
Lãi hợp tác đầu tư	9.600.357.534	-	5.841.919.520	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trông đồng	7.205.804.000	-	82.972.000.000	-
Gốc hợp tác đầu tư	4.840.000.000	-	80.000.000.000	-
Lãi hợp tác đầu tư	2.365.804.000	-	2.972.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hoa Sen Việt Nam	135.615.788.491	-	80.602.328.767	-
Gốc hợp tác đầu tư	128.600.000.000	-	78.800.000.000	-
Lãi hợp tác đầu tư	7.015.788.491	-	1.802.328.767	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Phó Hiến Việt Nam	176.363.713.159	-	171.445.895.183	-
Gốc hợp tác đầu tư	164.320.000.000	-	165.420.000.000	-
Lãi hợp tác đầu tư	12.043.713.159	-	6.025.895.183	-
Phải thu về cổ phần hóa	5.600.000	-	5.600.000	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.299.792.478	-	4.614.234.663	-
Ký cược, ký quỹ	257.824.823	-	257.956.729	-
Tạm ứng	3.295.198.569 (689.833.740)		3.304.616.853 (689.833.740)	
Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	-	-	1.325.925.926	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	8.199.782.046 (4.377.723.985)		6.727.513.276 (4.377.723.985)	
Cộng	463.167.748.223 (5.067.557.725)		477.303.701.054 (5.067.557.725)	

- (i) Các hợp đồng hợp tác đầu tư có thời hạn hợp tác từ 6 tháng đến 12 tháng, để đầu tư các dự án bất động sản, tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất hình thành từ các dự án hợp tác đầu tư, Nhóm Công ty được hưởng lợi nhuận tối thiểu từ 7,1%-9,2%/năm (lợi nhuận tối thiểu năm trước 7,3%-9%/năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**5b. Phải thu dài hạn khác**

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu tiền bán hàng	32.833.398.618	(21.427.542.008)	68.151.507.940	(52.793.734.412)
<i>Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Sơn</i>	-	-	16.428.897.499	(16.428.897.499)
<i>Công ty TNHH Dược phẩm Hải Tâm</i>	-	-	4.976.554.629	(4.976.554.629)
<i>Medical Supply Pharm Enterprise</i>	-	-	3.303.752.851	(3.303.752.851)
<i>Các khách hàng khác</i>	32.833.398.618	(21.427.542.008)	43.442.302.961	(28.084.529.433)
Phải thu các khoản chi hộ	4.377.723.985	(4.377.723.985)	3.717.599.787	(3.717.599.787)
Phải thu tiền tạm ứng	689.833.740	(689.833.740)	631.890.415	(631.890.415)
Ứng trước cho người bán	562.388.927	(562.388.927)	562.388.927	(562.388.927)
Cộng	38.463.345.270	(27.057.488.660)	73.063.387.069	(57.705.613.541)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	57.705.613.541	56.301.055.640
Trích lập dự phòng	1.920.045.190	3.741.221.831
Hoàn nhập dự phòng	(2.815.290.054)	(2.098.215.172)
Xóa nợ (Xem thuyết minh V.21b)	(29.752.880.017)	-
Số cuối kỳ	27.057.488.660	57.944.062.299

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	987.408.255	-	2.143.051.886	-
Nguyên liệu, vật liệu	164.332.099.488	(1.437.713.344)	142.461.007.278	(1.846.273.303)
Công cụ, dụng cụ	10.750.560.979	-	10.543.390.280	-
Thành phẩm	158.437.029.602	(2.997.686.730)	158.753.994.513	(3.213.415.907)
Hàng hóa	24.818.889.102	(73.168.656)	6.342.085.467	(103.797.748)
Cộng	359.325.987.426	(4.508.568.730)	320.243.529.424	(5.163.486.958)

Một số nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho cuối kỳ có giá trị ghi sổ là 60.000.000.000 VND (số đầu năm là 60.000.000.000 VND) đã được dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

Tình hình biến động dự phòng hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	5.163.486.958	2.288.660.934
Trích lập dự phòng	2.039.173.843	2.333.808.290
Hủy hàng	(2.694.092.071)	-
Số cuối kỳ	4.508.568.730	4.622.469.224

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	781.798.397	849.870.361
Chi phí bảo hiểm	537.397.663	439.107.303
Phí quản lý hợp đồng thuê đất	1.002.668.905	-
Chi phí phần mềm	446.145.550	294.406.817
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	295.914.254	125.331.731
Cộng	<u>3.063.924.769</u>	<u>1.708.716.212</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.778.996.620	2.794.962.047
Chi phí sửa chữa cải tạo	1.421.635.024	838.723.663
Các chi phí trả trước dài hạn khác	2.341.004.022	2.214.929.224
Cộng	<u>5.541.635.666</u>	<u>5.848.614.934</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	181.452.137.329	651.105.604.643	39.979.772.129	2.484.652.771	875.022.166.872
Mua trong kỳ	-	6.316.311.732	1.091.995.091	-	7.408.306.823
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.271.067.225)	-	(1.271.067.225)
Số cuối kỳ	<u>181.452.137.329</u>	<u>657.421.916.375</u>	<u>39.800.699.995</u>	<u>2.484.652.771</u>	<u>881.159.406.470</u>

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	10.909.192.195	218.738.633.037	7.537.723.885	1.737.984.414	238.923.533.531
Đã hỏng không sử dụng	-	25.458.715.451	197.427.000	-	25.656.142.451

**Giá trị hao
mòn**

Số đầu năm	57.492.074.304	372.697.524.708	20.023.123.074	2.191.151.853	452.403.873.939
Khấu hao trong kỳ	3.587.949.911	11.474.152.765	1.581.463.071	89.515.509	16.733.081.256
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.271.067.225)	-	(1.271.067.225)
Số cuối kỳ	<u>61.080.024.215</u>	<u>384.171.677.473</u>	<u>20.333.518.920</u>	<u>2.280.667.362</u>	<u>467.865.887.970</u>

Giá trị còn lại

Số đầu năm	123.960.063.025	278.408.079.935	19.956.649.055	293.500.918	422.618.292.933
Số cuối kỳ	<u>120.372.113.114</u>	<u>273.250.238.902</u>	<u>19.467.181.075</u>	<u>203.985.409</u>	<u>413.293.518.500</u>

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 288.863.207.738 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh V.18)

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Là máy móc thiết bị. Chi tiết như sau

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	20.968.786.167	(349.479.769)	20.619.306.398
Thuê tài chính trong kỳ	1.908.068.091	-	1.908.068.091
Khấu hao trong kỳ	-	(2.160.480.885)	2.160.480.885
Số cuối kỳ	22.876.854.258	(2.509.960.654)	20.366.893.604

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Bản sắc thương hiệu (*)	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	19.636.907.129	1.747.470.450	988.680.000	22.373.057.579
Mua trong kỳ	-	2.443.350.000	-	2.443.350.000
Số cuối kỳ	19.636.907.129	4.190.820.450	988.680.000	24.816.407.579
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	569.916.700	-	569.916.700
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	36.489.517	1.026.089.043	326.814.210	1.389.392.770
Khấu hao trong kỳ	-	79.238.938	24.717.000	103.955.938
Số cuối kỳ	36.489.517	1.105.327.981	351.531.210	1.493.348.708
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	19.600.417.612	721.381.407	661.865.790	20.983.664.809
Số cuối kỳ	19.600.417.612	3.085.492.469	637.148.790	23.323.058.871

Trong đó:

Tạm thời không sử dụng

Đang chờ thanh lý

(*) Là bản sắc thương hiệu Dược Cửu Long.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	2.718.900.000	6.040.761.732	(8.759.661.732)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	203.502.967.728	15.994.102.053	-	(1.124.035.905)	218.373.033.876
Công trình Nhà máy Vikimco ⁽ⁱ⁾	40.188.809.795	6.955.471.542	-	(121.367.000)	47.022.914.337
Chi phí đăng ký hồ sơ sản phẩm thuốc ung thư	4.790.945.000	-	-	-	4.790.945.000
Công trình Nhà máy tại Long An ⁽ⁱⁱ⁾	158.335.290.932	5.997.498.942	-	(1.002.668.905)	163.330.120.969
Dự án khác	187.922.001	3.041.131.569	-	-	3.229.053.570
Cộng	206.221.867.728	18.993.732.216	(8.759.661.732)	(1.124.035.905)	218.373.033.876

(i) Công trình nhà máy Vikimco theo Giấy chứng nhận đầu tư số 2651067820 của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Long ngày 12 tháng 8 năm 2020 mục đích để sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế với tổng vốn đầu tư 350 tỷ VND. Dự kiến thời hạn hoàn thành là Quý 3/2023.

(ii) Công trình nhà máy tại Long An theo Giấy chứng nhận đầu tư số 6037037488 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Long An ngày 30 tháng 6 năm 2022 mục đích để sản xuất thuốc, dược phẩm và vật tư y tế với tổng vốn đầu tư 1.035 tỷ VND. Dự kiến thời hạn hoàn thành tháng 1/2025. Chi phí lãi vay vốn hóa trong kỳ là 4.812.417.037 VND.

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (chi phí phải trả). Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	5.932.003.490	2.421.161.189
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(2.777.975.458)	1.828.319.950
Số cuối kỳ	3.154.028.032	4.249.481.139

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	19.786.382.284	8.595.395.589
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	4.990.670.112	8.595.395.589
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	14.795.712.172	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	33.693.971.271	28.155.864.406
Công ty TNHH Sản xuất Constantia Việt Nam	1.280.100.246	1.457.030.485
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại In Phước Châu	1.169.234.220	929.692.485
Công ty TNHH Centrient Pharmaceuticals India PVT	-	5.315.520.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Amigo Việt Nam	10.953.540.782	-
Công ty TNHH Bao bì Tân Thành	1.859.272.470	2.189.554.524
Công ty TNHH Bao bì Đông Âu	2.567.289.010	3.024.975.780
Các nhà cung cấp khác	15.864.534.543	15.239.091.132
Cộng	53.480.353.555	36.751.259.995

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

15a. Phải thu

	Số đầu năm	Số đã thực thu trong kỳ	Số phải thu trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	270.048.155	(270.049.155)	202.285.115	202.284.115
Thuế xuất, nhập khẩu	25.142.793	(832.115.101)	906.672.255	99.699.947
Thuế thu nhập cá nhân	24.905.207	-	300.000	25.205.207
Cộng	320.096.155	(1.102.164.256)	1.109.257.370	327.189.269

15b. Phải nộp

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.192.348.155	1.127.270.740	(2.206.033.779)	113.585.116
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	10.611.695.535	(10.611.695.535)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.558.423.103	5.594.456.535	(12.572.313.177)	5.580.566.461
Thuế thu nhập cá nhân	310.577.781	1.974.607.328	(1.989.607.167)	295.577.942
Tiền thuê đất	-	980.355.828	(392.142.330)	588.213.498
Các loại thuế khác	-	699.437.980	(125.650.480)	573.787.500
Cộng	14.061.349.039	20.987.823.946	(27.897.442.468)	7.151.730.517

Thuế giá trị gia tăng

Công ty và Công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuế GTGT cho mặt hàng dược phẩm, dụng cụ y tế 5%
- Thuế GTGT cho mặt hàng khác 8 - 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty và Công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	709.413.286	649.112.941
Chi phí hỗ trợ bán hàng	10.088.101.681	20.268.803.801
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.362.846.078	6.259.451.669
Cộng	13.160.361.045	27.177.368.411

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	17.394.104.110	36.542.540.386
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	-	1.336.003.400
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam (*)	17.394.104.110	25.182.558.904
Gốc hợp tác đầu tư	16.500.000.000	25.000.000.000
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	894.104.110	182.558.904
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản F.I.T	-	10.023.978.082
Gốc hợp tác đầu tư	-	9.925.000.000
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	-	98.978.082
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	60.061.944.483	59.910.644.659
Tài sản thừa chờ giải quyết	172.739.856	172.739.856
Kinh phí công đoàn	593.763.045	442.463.221
Phải trả về bản án sơ thẩm (**)	58.431.883.500	58.431.883.500
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	83.802.660	83.802.660
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	779.755.422	779.755.422
Cộng	77.456.048.593	96.453.185.045

(*) Hợp đồng hợp tác đầu tư với các bên liên quan có thời hạn 12 tháng. Mục đích hợp tác đầu tư kinh doanh với lợi nhuận cố định 9%/năm

(**) Theo Bản án sơ thẩm số 482/2022/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội, do hành vi phạm tội của các cá nhân (là các cựu Lãnh đạo Công ty trong giai đoạn 2006-2008) làm thiệt hại cho Bộ Y tế 3.848.000 USD tương đương với 61.692.238.500 VND, trong đó, các cá nhân đã nộp tiền khắc phục 3.260.355.000 VND, Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long phải bồi thường cho Bộ Y tế số tiền 58.431.883.500 VND

18. Vay và nợ thuê tài chính**18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	286.361.296.220	288.007.791.419
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long.	47.832.963.148	11.475.805.265
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	85.506.933.979	96.115.853.240
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ	78.858.395.227	99.667.119.050
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	34.646.748.673	38.149.017.722
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hà Nội	-	(3.858)
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	39.516.255.193	42.600.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	52.747.188.621	62.405.773.887
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	22.322.188.617	31.980.773.883
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	30.425.000.004	30.425.000.004

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ thuê tài chính đến hạn trả Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xem thuyết minh số V.18b)	13.913.255.640	3.580.080.000
Hợp đồng số 02.086/2022/TSC-CTTC	3.580.080.000	3.580.080.000
Hợp đồng số 02.001/2023/TSC-CTTC	9.986.172.000	-
Hợp đồng số 24/2023/CN.MN-CTTC	347.003.640	-
Cộng	353.021.740.481	353.993.645.306

(*) Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Hạn mức	Thời hạn	Lãi suất(năm)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱ⁾	50 tỷ VND	không quá 12 tháng	6,8-8,3%
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱⁱ⁾	100 tỷ VND	không quá 06 tháng	7%-8,5%
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱⁱⁱ⁾	100 tỷ VND	không quá 06 tháng	8% -8,5%
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ^(iv)	50 tỷ VND	từ 08/06/2022 đến 08/06/2023	8,5% - 9%
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - chi nhánh Thanh Xuân ⁽ⁱ⁾	50 tỷ VND	không quá 12 tháng	7%

(i) Tài sản thế chấp là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (Xem Thuyết minh V.2a).

(ii) Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản bao gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị được xác định hình thành trong tương lai từ dự án Capsule 3, thế chấp tiền gửi có kỳ hạn, thế chấp tài sản là toàn bộ MMTB hình thành trong tương lai phát sinh từ dự án đầu tư mở rộng Nhà máy Capsule giai đoạn 4, thế chấp tài sản là hàng tồn kho luân chuyển của khách hàng với giá trị 10 tỷ đồng.

(iii) Tài sản thế chấp là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và hàng tồn kho.

(iv) Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, hợp đồng thế chấp hàng hóa, thế chấp tài sản

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	288.007.791.419	62.405.773.887	3.580.080.000	353.993.645.306
Số tiền vay phát sinh	373.890.171.318	-	-	373.890.171.318
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	24.212.500.002	12.123.215.640	36.335.715.642
Số tiền vay đã trả	(375.536.666.517)	(33.871.085.268)	(1.790.040.000)	(411.197.791.785)
Số cuối kỳ	286.361.296.220	52.747.188.621	13.913.255.640	353.021.740.481

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	121.065.584.493	145.278.084.495
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱ⁾	61.264.825.167	70.264.825.167
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ⁽ⁱⁱ⁾	59.800.759.326	75.013.259.328
Nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	70.448.314.420	14.319.920.000
Hợp đồng số 02.086/2022/TSC-CTTC	12.529.880.000	14.319.920.000
Hợp đồng số 02.001/2023/TSC-CTTC	56.588.272.000	-
Hợp đồng số 24/2023/CN.MN-CTTC	1.330.162.420	-
Cộng	191.513.898.913	159.598.004.495

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long theo các Hợp đồng:

- Theo hợp đồng số 06/HĐĐTDA-VLO.KH ngày 03 tháng 07 năm 2017 với mục đích thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án "đầu tư Nhà máy sản xuất Capsule III - Giai đoạn 1" tại số 21B, Phan Đình Phùng, Phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long làm chủ đầu tư; hạn mức là 111.915.145.300 VND, nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của Dự án không bao gồm VAT, thời hạn vay tối đa là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ; thời hạn cho vay cụ thể sẽ được quy định trong từng văn bản nhận nợ, lãi suất cho vay cố định quy định tại văn bản nhận nợ. Khoản vay được thế chấp là toàn bộ tài sản bao gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị hình thành trong tương lai từ dự án Capsule 3 theo các Hợp đồng thế chấp từ số 200-202/HĐTC-VLO.KH ngày 03/07/2017.
- Theo hợp đồng số 03/HĐĐTDA-VLO.CRC ngày 29 tháng 01 năm 2021 với mục đích thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án "đầu tư mở rộng Nhà máy sản xuất Capsule - Giai đoạn 4" tại số 21B, Phan Đình Phùng, Phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long làm chủ đầu tư; hạn mức là 140.000.000.000 VND, nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của Dự án không bao gồm VAT, thời hạn vay tối đa là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ; thời hạn cho vay cụ thể sẽ được quy định trong từng văn bản nhận nợ, lãi suất cho vay cố định quy định tại văn bản nhận nợ. Khoản vay được thế chấp là toàn bộ tài sản bao gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị hình thành trong tương lai từ dự án Capsule 3 theo các Hợp đồng thế chấp từ số 200-201/HĐTC-VLO.KH ngày 03/07/2017 và Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 03/HĐTC-VLO.KH ngày 29/01/2021.

(ii) Khoản vay trung và dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An theo hợp đồng số 08/HĐCVTL/NHCT320-DUOCCL ngày 08 tháng 08 năm 2022 với mục đích thanh toán chi phí thuê đất tại KCN Hựu Thạnh, tỉnh Long An theo Hợp đồng thuê lại đất tại Khu công nghiệp Hựu Thạnh số 42/TCT-ĐT ngày 28/07/2022 ký giữa Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long và Tổng Công ty IDICO; hạn mức là 121.700.000.000 VND, thời hạn vay tối đa là 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Khoản vay được thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của khu đất (xem thuyết minh V.10).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(iii) Thuê tài chính Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo 3 hợp đồng gồm:

- Hợp đồng số 02.086/2022/TSC-CTTC ngày 29/11/2022 là máy móc thiết bị với số tiền: 22.646.289.061VND trong thời hạn thuê 5 năm và lãi suất thay đổi theo phụ lục kèm theo.
- Hợp đồng số 02.001/2023/TSC-CTTC ngày 31/01/2023 là dây chuyền sản xuất viên nang cứng rỗng với số tiền: 138.270.000.000VND trong thời hạn 7 năm và lãi suất thay đổi theo phụ lục kèm theo, đã giải ngân để ứng trước cho Công ty. Đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán do chưa hình thành tài sản nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuê tài chính.
- Hợp đồng số 24/2023/CN.MN-CTTC ngày 16/03/2023 là xe ô tô tải (đông lạnh) với số tiền: 2.083.034.000VND. Lãi suất cho thuê áp dụng trong thời gian 03 tháng kể từ thời điểm giải ngân đầu tiên là: 10,5%/năm.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	66.660.444.261	65.985.853.887
Trên 1 năm đến 5 năm	174.870.314.913	159.598.004.495
Trên 5 năm	16.643.584.000	
Cộng	<u>258.174.343.174</u>	<u>225.583.858.382</u>

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Tiền gốc phải trả	13.913.255.640	53.804.730.420	16.643.584.000	84.361.570.060
Lãi thuê phải trả	9.050.495.986	19.651.904.523	1.670.693.608	30.373.094.117
Nợ thuê tài chính phải trả	<u>22.963.751.626</u>	<u>73.456.634.943</u>	<u>18.314.277.608</u>	<u>114.734.664.177</u>
Số đầu năm				
Tiền gốc phải trả	3.580.080.000	14.319.920.000	-	17.900.000.000
Lãi thuê phải trả	1.854.909.979	2.755.182.888	-	4.610.092.867
Nợ thuê tài chính phải trả	<u>5.434.989.979</u>	<u>17.075.102.888</u>	<u>-</u>	<u>22.510.092.867</u>

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Vay dài hạn ngân hàng</u>	<u>Nợ thuê tài chính</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	145.278.084.495	14.319.920.000	159.598.004.495
Nợ thuê tài chính phát sinh trong kỳ	-	70.870.000.000	70.870.000.000
Số tiền vay đã trả	-	(2.618.389.940)	(2.618.389.940)
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(24.212.500.002)	(12.123.215.640)	(36.335.715.642)
Số cuối kỳ	<u>121.065.584.493</u>	<u>70.448.314.420</u>	<u>191.513.898.913</u>

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Nhóm Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	3.583.455.553	3.854.149.642
Tăng do trích lập từ lợi nhuận sau thuế	3.000.000.000	2.000.000.000
Chi quỹ	(1.331.862.500)	(253.510.452)
Số cuối kỳ	<u>5.251.593.053</u>	<u>5.600.639.190</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	588.328.240.000	7.235.773.743	316.281.771.963	20.166.850	51.372.299.063	963.238.251.619
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền (*)	142.082.060.000	213.123.090.000	-	-	-	355.205.150.000
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	38.643.804.902	-	868.109.339	39.511.914.241
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.000.000.000)	-	-	(2.000.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	730.410.300.000	220.358.863.743	411.357.460.365	20.166.850	52.240.408.402	1.414.387.199.360
Số dư đầu năm nay	730.410.300.000	220.358.863.743	422.843.538.261	20.166.850	18.024.495.298	1.391.657.364.152
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	32.298.038.110	-	200.567.800	32.498.605.910
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.000.000.000)	-	-	(3.000.000.000)
Số dư cuối kỳ này	730.410.300.000	220.358.863.743	452.141.576.371	20.166.850	18.225.063.098	1.421.155.970.062

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	424.026.160.000	424.026.160.000
Các cổ đông khác	306.384.140.000	306.384.140.000
Cộng	730.410.300.000	730.410.300.000

20c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	73.041.030	73.041.030
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	73.041.030	73.041.030
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	73.041.030	73.041.030
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 như sau:

	VND
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

21a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	2.142,77	7.722,17

21b. Nợ khó đòi đã xử lý

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 và Tờ trình số 07/2023/TT-ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023, Công ty đã tiến hành xóa nợ cho một số đối tượng công nợ lâu ngày khó đòi đã không còn khả năng thu hồi phát sinh từ năm 2015:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Sơn	16.428.897.499	-
Công ty TNHH Dược Phẩm Hải Tâm	4.975.554.629	-
Medical Suplly Pharm Enterprise (Cambodia)	3.416.271.572	-
Drug Sivilay Import Export Co. (Lào)	1.310.050.560	-
Các đối tượng khác	3.622.105.757	-
Cộng	29.752.880.017	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	137.492.684.256	35.521.460.926
Doanh thu bán thành phẩm	374.262.663.755	397.618.312.972
Cộng	511.755.348.011	433.139.773.898

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Xem Thuyết minh VII.1.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	12.269.080.177	6.207.101.221
Hàng bán bị trả lại	3.794.066.315	626.749.413
Giảm giá hàng bán	146.024.002	-
Cộng	16.209.170.494	6.833.850.634

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	120.718.234.253	34.079.950.374
Giá vốn của thành phẩm đã bán	279.447.418.993	271.320.110.745
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.039.173.843	2.333.808.290
Cộng	402.204.827.089	307.733.869.409

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.426.101.585	13.897.878.431
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	17.203.210	24.491.915
Lợi nhuận từ hợp tác đầu tư	16.221.945.740	11.389.042.601
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	89.797.945	39.182.127
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	61.404.471
Cộng	20.755.048.480	25.411.999.545

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	14.777.611.044	17.139.813.039
Phải trả lợi nhuận hợp tác đầu tư	831.345.890	3.062.465.754
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.259.691.515	100.536.823
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	324.871	-
Cộng	16.868.973.320	20.302.815.616

6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	19.890.380.895	18.608.430.204
Chi phí vật liệu, bao bì	163.620.009	216.504.259
Chi phí khấu hao tài sản cố định	791.655.455	693.946.366
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.130.518.428	27.742.711.316
Chi phí hỗ trợ bán hàng	3.275.218.470	10.462.447.954
Chi phí vận chuyển	1.323.834.147	7.435.621.406
Chi phí mua ngoài khác	6.531.465.811	9.844.641.956
Các chi phí khác	985.452.978	1.770.633.632
Cộng	32.961.627.765	49.032.225.777

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	12.467.592.169	12.217.992.668
Chi phí vật liệu quản lý	160.883.057	251.266.933
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.291.841.655	1.162.920.678
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(895.244.864)	1.643.006.659
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.365.082.001	8.419.456.965
Các chi phí khác	790.848.313	1.036.664.445
Cộng	24.181.002.331	24.731.308.348

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	32.298.038.110	38.643.804.902
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(1.500.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	32.298.038.110	37.143.804.902
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	73.041.030	67.199.879
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>442</u>	<u>553</u>

8b. Thông tin khác

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước cũng được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Các điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 57 VND xuống còn 553 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	302.691.357.807	304.059.210.220
Chi phí nhân công	62.237.332.217	61.762.894.859
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.997.518.079	19.283.784.672
Chi phí dự phòng	(895.244.864)	1.643.006.659
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.260.455.317	59.657.222.077
Chi phí khác	9.709.210.043	4.070.038.684
Cộng	<u>430.000.628.599</u>	<u>450.476.157.171</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Nhóm Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được thuyết minh ở V.5a

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này				
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	-	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên HĐQT	-	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên HĐQT	-	24.000.000	24.000.000
Bà Bùi Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT	-	24.000.000	24.000.000
Bà Trương Thị Thu Hạnh	Thành viên HĐQT	-	24.000.000	24.000.000
Bà Phan Thị Hòa	Trưởng BKS	-	18.000.000	18.000.000
Bà Lê Thị Thương	Thành viên BKS	-	12.000.000	12.000.000
Bà Phạm Thị Huê	Thành viên BKS	-	12.000.000	12.000.000
Ông Lương Trọng Hải	Tổng Giám đốc	488.341.244	-	488.341.244
Ông Nghiêm Xuân Trường (từ ngày 01/3/2023)	Phó Tổng Giám đốc	360.000.000	-	360.000.000
Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng Giám đốc	71.462.667	-	71.462.667
Bà Trần Khiêm (từ ngày 01/4/2023)	Phó Tổng Giám đốc	90.724.800	-	90.724.800
Cộng		1.010.528.711	168.000.000	1.178.528.711
Kỳ trước				
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	-	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT	-	22.000.000	22.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên HĐQT	-	24.000.000	24.000.000
Ông Phí Xuân Trường	Thành viên HĐQT	-	22.000.000	22.000.000
Ông Đỗ Thế Cao	Trưởng BKS	-	16.500.000	16.500.000
Bà Phan Thị Hòa	Trưởng BKS	-	12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên BKS	-	11.000.000	11.000.000
Bà Vũ Thị Minh Hoài	Tổng Giám đốc	63.333.338	-	63.333.338
Ông Lương Trọng Hải	Giám đốc điều hành	253.250.695	-	253.250.695
Ông Trịnh Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc	293.843.888	-	293.843.888
Ông Nguyễn Ngọc Vinh	Phó Tổng Giám đốc	431.077.182	-	431.077.182
Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng Giám đốc	616.811.953	-	616.811.953
Cộng		1.658.317.056	137.500.000	1.795.817.056



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	Công ty mẹ
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hạt giống TSC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần FIT Consumer	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Nông Tín	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	Công ty có liên quan với Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cap Padaran Mũi Dinh	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Today Cosmetics	Công ty có liên quan với Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Dũng Tâm	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	Công ty có liên quan với Tổng Giám đốc

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T		
Dịch vụ cho thuê văn phòng	5.551.750.276	4.397.969.873
Phải trả lợi nhuận hợp tác đầu tư	-	3.062.465.754
Trả tiền gốc hợp tác đầu tư	-	184.000.000.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam		
Trả tiền hợp tác đầu tư	8.500.000.000	-
Lợi nhuận hợp đồng hợp tác đầu tư phải trả	711.545.206	-
Thu hồi gốc hợp đồng hợp tác đầu tư	8.700.000.000	-
Lợi nhuận hợp đồng hợp tác đầu tư được hưởng	106.538.903	-
Lợi nhuận hợp đồng hợp tác đầu tư đã thu	260.249.040	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản F.I.T		
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	29.900.000.000	-
Thu hồi gốc hợp đồng hợp tác đầu tư	4.500.000.000	-
Lợi nhuận hợp đồng hợp tác đầu tư được hưởng	591.887.123	-
Trả tiền hợp tác đầu tư	9.925.000.000	-
Lợi nhuận hợp đồng hợp tác đầu tư phải trả	119.800.685	-
Lợi nhuận hợp đồng hợp tác đầu tư đã trả	218.778.767	-
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics		
Mua hàng	-	220.526.679
Công ty Cổ phần nước khoáng Khánh Hòa		
Mua hàng	-	21.811.200
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco		
Mua hàng	123.385.595.072	85.714.286
Bán hàng	5.771.801.000	4.443.406.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.14 và V.17.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về hàng hóa/dịch vụ mà Nhóm Công ty cung cấp hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định Nhóm Công ty chỉ có 01 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và 01 bộ phận theo khu vực địa lý và Nhóm Công ty không cần phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Số liệu so sánh

Năm trước Công ty trình bày khoản phải thu từ hoạt động hợp tác đầu tư là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Công ty đã điều chỉnh sai sót trong năm nay, Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	Số liệu		Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
	Mã số	trước điều chỉnh		
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(25.548.396.285)	11.389.042.601	(14.159.353.684)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(26.942.579.561)	(267.271.925.321)	(294.214.504.882)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	24	(1.037.865.945.205)	923.420.000.000	(114.445.945.205)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	25	901.121.100.000	(653.260.000.000)	247.861.100.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18.440.924.477	(14.277.117.280)	4.163.807.197

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

5. Thông tin khác

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas (Công ty con) là bị đơn đang có kiện tụng với Công ty Cổ phần CONFITECH Cửu Long (nguyên đơn). Theo biên bản hòa giải của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long thì bên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán các hạng mục công trình đã thi công với số tiền 4.666.770.659 VND, bị đơn đã thực hiện thanh toán cho nguyên đơn theo hòa giải. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính thì vẫn còn tranh chấp khoản tạm ứng 10% hợp đồng với số tiền 7.250.000.000 VND.

Lập, ngày 18 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Lâm Minh Thương

Kế toán trưởng

Nguyễn Lâm Minh Thương

Phó Tổng Giám đốc



Nghiêm Xuân Trường

